

KẾ HOẠCH TUẦN 13 - HỌC KỲ I - NH 2022.23

Từ ngày: 28/11/2022 → 03/12/2022

Chủ đề tháng 11: "Thanh niên với truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo."

I- CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG - PHÁP CHẾ - TỔ CHỨC: Thực hiện nghiêm các VB hướng dẫn phòng chống Covid-19.

- Thứ Hai(7g15-28/11): Tiết 1, 2: Sinh hoạt lớp. (GVCN)
- 8g45: Họp hội đồng nâng lương trước hạn năm 2022 theo HD mới. (BGH-CTGD-TKHD-TTCM-TB.TTND)
- Họp liên tịch: Các vấn đề chuyên môn, GV, Công tác ngoại khóa
- Thứ Tư(8g00-30/11): Họp công tác chuẩn bị tổ chức Hội trại truyền thống 9/1 lần XV năm 2022 của Cụm chuyên môn 4 tại THPT Phong Phú. (PHT2+TLTN)
- Nhóm công tác tiếp tục thực hiện các báo cáo bổ sung nộp Sở. (BGH-CTGD-KT-Văn thư)
- Từ ngày 22/11 đến 30/11: Tham dự Lớp Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với lãnh đạo, quản lý- TrTâm Chính trị. (BT+BGH)
- **Thực hiện đảm bảo An toàn trường học, An toàn PCCC.** (PHT2 chỉ đạo)

II- TRẬT TỰ - NỀ NẾP - VỆ SINH:

- Nhắc nhở học sinh: Trong giờ ra chơi học sinh ở lớp, hành lang hoặc xuống sân theo khu vực PHT2 phân chia, không đem đồ ăn nước uống vào trường, tuyệt đối không được ăn uống trong phg học, không ồn ào trong giờ nghỉ trưa. HS không được chơi đá cầu, cầu lông, chạy nhảy ở các hành lang trên lầu. HS không được leo trèo lan can lầu cao, hàng rào, cây cao; không phá bẻ điện. Giáo dục HS Giữ gìn vệ sinh chung. Chấp hành Luật an toàn giao thông. (GV+Gthi) - GVCN nhắc HS lớp dọn dẹp VS lớp sạch sẽ, gọn gàng, khóa cửa phòng khi ra về.
- Buổi trưa không để HS tự bày biện ăn uống tại phòng học và hành lang lớp học. Hướng dẫn HS nơi ăn trưa. (PHT2+GThi)
- Lao động sân trường theo Kế hoạch Phó HT. Lao động bổ sung: C9(thứ 3), C13(thứ 5). (GVCN+GThi+PV)

III- CHI BỘ - ĐOÀN THỂ:

- Tiếp đảng viên, GV, NV và phụ huynh lúc 8g40 và 14g40 hằng ngày. (BTCB+HT+Cô Diệp)
- Thực hiện hồ sơ phát triển Đảng. (Thầy Phú Đức, cô Trâm(Địa), thầy Chí, thầy Thi). (Chi ủy)
- Tiếp tục kiểm tra tiến độ thực hiện Công trình thanh niên NH 2022-2023 của các Chi đoàn lớp (TLTN)
- Thứ Hai(10g45-28/11): Họp BCHCĐ mở rộng xét duyệt chăm lo Tết. (BCHCĐ+TTGD)
- Thứ Sáu(7g30-2/12): Dự Đại hội điểm Đại hội CĐCS trường Marie Curie. (CTGD)
- Vận động kinh phí ủng hộ Quỹ "Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc" năm 2022 theo văn bản số 4281/SGDĐT-CĐGD ngày 7/11/2022 gửi về Sở GD&ĐT trước ngày 30/11. (TLTN)
- Lập DS học sinh tham gia Lớp 6 bài Lý luận chính trị gửi TT Chính trị huyện BC trước ngày 2/12 theo Thông báo. (TLTN)

IV- CHUYÊN MÔN:

1) Công tác dạy và học: Thực hiện KH dạy học HK1 năm học 2022-23 theo TKB số 03 (áp dụng 10/10/2022).

- BGH phê duyệt Kế Hoạch Chuyên Môn các Tổ + Sở hợp Tổ CM.
- Nộp danh sách thi HSG Cụm 4 đúng hạn. (PHT1)
- Rà soát phân công trực các phòng chức năng: Giám thị, Thiết bị, Thí nghiệm..... Hồ sơ làm việc các phòng. (BGH)
- Phân công công việc với giáo viên chưa đủ tiết dạy nghĩa vụ. Chuẩn bị TKB mới. (PHT1)

2) Thanh kiểm tra:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch Kiểm tra Nội bộ. (theo phân công)
- Báo cáo HT: Phân công công việc với giáo viên chưa đủ tiết dạy nghĩa vụ.
- Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi, Phụ đạo học sinh yếu: DS HSG, HSY; TKB, Phòng dạy... (PHT1)
- Kiểm tra công tác triển khai thực hiện Công trình thanh niên năm học 2022-2023 của các Chi đoàn. (TLTN+BCHĐT)

V- CÔNG TÁC KHÁC:

- Chuẩn bị hồ sơ lương tháng 12/2022. (HT+Kế toán)
- Tiến hành mua trang thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp. (BGH chỉ đạo)
- Rà soát, sửa chữa Micro, Amply, Tivi ...

VI- CÔNG TÁC CHƯA THỰC HIỆN TRONG TUẦN TRƯỚC:

- Triển khai các biểu mẫu đăng ký học Tin học MOS. (Thầy THI và Tổ VP)

*** CÁC CÔNG TÁC, PHONG TRÀO TRONG THỜI GIAN TỚI:** (có thể nhắn trên zalo)

- BGH phê duyệt Kế Hoạch Chuyên Môn các Tổ + Sở hợp Tổ CM.
- Rà soát, kiện toàn việc quản lý, đăng nội dung trang web trường LMX và tin nhắn hệ thống VietSchool. (HT)

Nơi nhận:

- BGH, TTr ;
- GV + Tổ VP;
- Bản tin GV; Website
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ MINH XUÂN

SƠ KẾT THI ĐUA TUẦN
Tuần thi đua 11 - HK1: Từ ngày 18/11 đến ngày 24/11/2022

Lớp	GVCN	Số điểm ban đầu	Sĩ số	Số đầu bài	Số điểm danh	vắng hợp	Vi phạm	Điểm cộng	Tổng điểm	Xếp hạng	Nhóm	XH toàn trường	XH giai đoạn đến hết tuần...
10C1	T. HÙNG (H)	4600	46	0	0	50	10	178	102.6	5		27	
10C2	C. BÍCH (AV)	4600	46	0	0	0	0	248	105.4	1		2	
10C3	C. VÂN (L)	4500	45	0	0	50	0	135	101.9	7		30	
10C4	C. CHÂU (AV)	4600	46	5	0	50	0	138	101.8	8		31	
10C5	C. H. HOA (H)	4600	46	0	0	0	30	228	104.3	2		10	
10C6	C. PHƯƠNG (AV)	4600	46	15	60	0	0	168	102.0	6		29	
10C7	C. NGỌC (T)	4600	46	25	0	92	20	50	98.1	13		43	
10C8	C. DUNG (H)	4500	43	15	15	129	0	159	100.0	12		38	
10C9	C. DUNG (S)	4600	46	10	15	142	10	0	96.2	15		45	
10C10	C. HOÀI (S)	4300	43	5	0	0	0	179	104.0	4		15	
10C11	C. LOAN (AV)	4400	43	25	0	0	15	219	104.2	3		14	
10C12	C. TRÂM (L)	4300	43	0	30	50	30	169	101.4	11		34	
10C13	C. TRÀ (V)	4200	41	0	0	255	20	20	93.8	16		46	
10C14	C. NGÂN (V)	4100	41	0	0	50	0	123	101.8	9		32	
10C15	C. TRÂM (Đ)	4100	41	0	0	50	0	123	101.8	9		32	
10C16	T. THÀNH (GD CD)	4100	40	0	45	170	10	120	97.4	14		44	
11B4	C. TUYẾT (H)	4400	44	0	0	0	90	182	102.1	8		28	
11B5	C. M. HIỀN (AV)	4400	44	0	45	0	10	222	103.8	5		19	
11B6	C. ĐIỂM (L)	4300	43	5	0	0	10	179	103.8	4		18	
11B7	C. T. HIỀN (V)	4500	43	0	0	0	10	179	103.9	2		16	
11B8	C. TÂN (GD CD)	4400	45	0	45	50	0	135	100.9	10		36	
11B9	T. HUY (H)	4300	43	0	0	0	10	219	104.9	1		4	
11B10	T. GIANG (L)	4400	44	0	0	0	0	172	103.9	3		17	
11B11	C. THUỶ (V)	4300	44	0	0	0	0	162	103.7	6		22	
11B12	C. YẾN (V)	4300	45	15	0	0	10	185	103.6	7		23	
11B13	T. PHÚ (T)	4500	45	0	0	185	0	175	99.8	12		40	
11B14	C. TÂM (S)	4400	43	0	0	50	35	129	101.0	9		35	
11B15	T. TRƯỜNG (T)	4400	44	20	135	0	10	162	99.9	11		39	
12A4	T. HỮU (T)	3800	38	10	0	0	10	164	103.8	7		21	
12A5	T. SƠN (H)	3800	38	0	0	0	15	174	104.2	5		13	
12A6	C. T. VÂN (AV)	4000	40	15	0	0	15	200	104.3	4		12	
12A7	T. VŨ (L)	4000	40	0	0	0	15	190	104.4	3		9	
12A8	T. NAM (T)	3800	36	0	15	0	15	200	104.7	2		5	
12A9	C. LÀI (AV)	3700	38	0	0	164	0	114	98.7	11		42	
12A10	T. ĐỨC (AV)	3800	38	0	0	0	0	224	105.9	1		1	
12A11	C. THANH (V)	4400	43	15	0	0	15	159	103.0	9		26	
12A12	C. DUNG (Đ)	4500	45	15	0	0	20	185	103.3	8		25	
12A13	C. NHUNG (V)	4500	45	20	60	135	0	165	98.9	10		41	
12A14	C. L. ANH (V)	4400	44	15	0	0	0	182	103.8	6		19	
11B1	C. HUYỀN (T)	4300	42	0	0	0	0	196	104.7	2		6	
11B2	C. HOÀNG (L)	4000	39	0	120	0	0	147	100.7	7		37	
11B3	C. HOA (V)	3900	39	15	0	0	0	147	103.4	6		24	
12A1	T. CAO (L)	4400	45	0	0	0	0	225	105.0	1		3	
12A2	C. THỦY (T)	4400	44	0	0	0	0	202	104.6	3		7	
12A3	C. TRINH (H)	4300	43	0	15	0	0	199	104.3	5		11	
12A15	C. MY (T)	4300	40	0	0	0	0	180	104.5	4		8	

HIỆU TRƯỞNG

Người Tổng Kết

Hồ Xuân Phúc

Nguyễn Hoàng Anh